

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI
DVĐT XÂY DỰNG BÌNH AN**

-----00000-----

Số: 16032026 /QĐ/CBNL

(Vv: Thông báo công bố năng lực đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

-----***-----

Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2026

THÔNG BÁO

(Về việc công bố thông tin năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng)

Kính gửi: SỞ XÂY DỰNG HÀ NỘI

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/06/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Xây Dựng

Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây Dựng

Căn cứ năng lực thiết bị, năng lực nhân sự của Công ty.

Công ty Cổ phần thương mại DVĐT xây dựng Bình An công bố công khai thông tin về năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.

1. Mã số LAS-XD 24.099 do Sở xây dựng Hà Nội cấp tại Giấy chứng nhận Số : 82/GCN-SXD(GĐCL) ngày 26/08/2024 . Theo Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng đã cấp cho các tổ chức theo quy định sẽ hết hiệu lực sau 90 ngày kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

2. Thực hiện theo Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng. Công ty Cổ phần thương mại DVĐT xây dựng Bình An có quyết định công bố thông tin về năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng Số : 16032026 /QĐ/CBNL ngày 16 tháng 03 năm 2026. Nội dung Quyết định này được công bố tại Website : <http://xaydungbinhan.com/>

3. Công ty Cổ phần Cổ phần thương mại DVĐT xây dựng Bình An chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác của thông tin tự công bố trên Website trên.

Công ty Cổ phần Cổ phần thương mại DVĐT xây dựng Bình An trân trọng thông báo !

Nơi nhận :

- Như kính gửi
- Lưu VP Công ty
- Lưu PTN

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI
DVĐT XÂY DỰNG BÌNH AN**



GIÁM ĐỐC
Lê Trung Lượng

TT	Tên phép thử	Tiêu chuẩn kỹ thuật
	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG	
1	Xác định độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 13605:2023; ASTM C188, C430, ASTM C204
2	Xác định độ bền uốn và nén của xi măng	TCVN 6016:2011; ASTM C109, C348
3	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:2015; ASTM C187, C191, C266, C451, C807
4	Xi măng – Xác định khả năng giữ nước	TCVN 9202:2012
	THỬ NGHIỆM CỐT LIỆU CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA	
5	Cốt liệu cho bê tông và vữa - Phương pháp thử - Phần 1: Lấy mẫu	TCVN 7572-1:2006
6	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2:2006; TCVN 9205:12; AASHTO T27; AASHTO T11; ASTM C136;
7	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích, độ hút nước	TCVN 7572-4:2006; AASHTO T84, AASHTO T85; ASTM C33
8	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006; ASTM C127
9	Xác định độ xốp và độ hồng	TCVN 7572-6:2006; ASTM C29
10	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006; ASTM C566
11	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006; ASTM C117
12	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006; ASTM C40
13	Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006
14	Xác định độ nén đập trong xi lanh và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006
15	Xác định độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy (Los Angeles)	TCVN 7572-12:2006 ASTM C131, C535; AASHTO T96
16	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006
17	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hoá	TCVN 7572-17:2006; ASTM C142; AASHTO T112

18	Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ	TCVN 7572-18:2006; ASTM D5821; AASHTO T353
19	Xác định hàm lượng mica	TCVN 7572-20:2006
20	Xác định hệ số (ES)	ASTM D2419; AASHTO T176
21	Xác định độ góc cạnh của cốt liệu	TCVN 8860-7:2011
22	Cát nghiền cho bê tông và vữa: Xác định hạt lượng hạt <0,075mm	TCVN 9205:2012
23	Đá xây dựng - Phương pháp xác định độ ẩm, độ hút nước trong phòng thí nghiệm	TCVN 10321:2014
24	Đá xây dựng - Phương pháp xác định khối lượng thể tích trong phòng thí nghiệm	TCVN 10322:2014
25	Đá xây dựng - Phương pháp xác định độ bền nén trong phòng thí nghiệm	TCVN 10324:2014
	THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG	
26	Vữa xây dựng - Phương pháp thử - Phần 2: Lấy mẫu và chuẩn bị mẫu thử	TCVN 3121-2:2003
27	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:2022
28	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:2022
29	Xác định thời gian bắt đầu đông kết của vữa tươi	TCVN 3121-9:2022; ASTM C807
30	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-11:2022; ASTM C349, C942 ASTM C109-11b
31	Xác định cường độ bám dính của vữa đã đóng rắn trên nền	TCVN 3121-12:2022
32	Xác định độ hút nước của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-18:2022 ASTM C1218
33	Vữa cho bê tông nhẹ: Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất, độ lưu động, khả năng giữ độ lưu động, thời gian đông kết, cường độ nén, cường độ bám dính, hệ số hút nước	<u>TCVN 3121-1:2003</u> <u>TCVN 3121-3:2003</u> <u>TCVN 3121-8:2003</u> <u>TCVN 3121-9:2003</u> <u>TCVN 3121-11:2003</u> <u>TCVN 3121-12:2003</u> TCVN 9028:2011
	HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG	
34	Hỗn hợp bê tông và bê tông-Lấy	TCVN 3105:2022; ASTM C31;

	mẫu, chế tạo và bảo dưỡng mẫu thử	AASHTO T31; ASTM C42
35	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông nặng	TCVN 3106:2022; ASTM C143; AASHTO T119
36	Phân tích thành phần hỗn hợp bê tông nặng	TCVN 3110:1993; ASTM C173; AASHTO T152
37	Xác định khối lượng riêng của bê tông nặng	TCVN 3112:2022; ASTM C642
38	Xác định độ hút nước của bê tông	TCVN 3113:2022; ASTM C642
39	Xác định độ tách nước, tách vữa của hỗn hợp bê tông	TCVN 3109:2022; JIS A1123; ASTM C232, C173; AASHTO T158; EN 12350; EN 480
40	Xác định khối lượng thể tích của bê tông	TCVN 3115:2022; ASTM C138, C642
41	Xác định độ chống thấm nước của bê tông	TCVN 3116:2022; ASTM C1585
42	Xác định độ co của bê tông	TCVN 3117:22; ASTM C157; AASHTO T160
43	Xác định cường độ nén của bê tông	TCVN 3118:2022; ASTM C39, C42; AASHTO T22, T140
44	Xác định cường độ kéo khi uốn	TCVN 3119:1993; ASTM C293, C78; AASHTO T97
45	Bê tông- Xác định thành phần cấp phối bê tông	TCVN 9382:2012; Số 778/98/QĐ-BXD ngày 05-09/1988 TCVN 10306:2014 22TCN 276:2001
46	Xác định thời gian đông kết	TCVN 9338:2012
47	Xác định nhiệt độ trong hỗn hợp bê tông	TCVN 9340: 2012
48	Xác định độ chảy loang, thời gian chảy loang, chảy qua phễu, qua hộp, qua vòng, khả năng chống phân tầng của bê tông tự lèn	TCVN 12209:2018 ASTM C1611 ASTM C1621
	THỬ NGHIỆM ĐẤT, CÁT, ĐÁ, SỎI TRONG PHÒNG	
49	Lấy mẫu, bao gói, vận chuyển và bảo quản mẫu	TCVN 2683:2012
50	Xác định khối lượng riêng của đất	TCVN 4195:2012; ASTM D854, D5550; AASHTO T100 ; BS 1377-1985; TB 10102-2023; TB 10115-2023
51	Xác định độ ẩm và hút ẩm của đất	TCVN 4196:2012; BS 1377-1985 ASTM

		D2216 D4959, D4643; AASHTO T265, AS 1289-2.1.1&4; JIS A1203; TB 10102-2023; TB 10115-2023
52	Xác định giới hạn dẻo và giới hạn chảy của đất	TCVN 4197:2012; GOST-5184; BS1377-2; AASHTO T89, T90; ASTM D4318; JIS A1205; TB 10102-2023; TB 10115-2023
53	Xác định các thành phần cơ hạt của đất	TCVN 4198:2014 ; BS 1377 AASHTO T88, T27; JIS A1204; ASTM C136, D1140, D422, D421, D1140; TB 10102-2023
54	Xác định độ chặt tiêu chuẩn trong phòng thí nghiệm	TCVN 4201:2012, TCVN 12790:2020; AASHTO T99, T180; BS 1377; ASTM D1557, D698, D558; JIS A1210; TB 10102-2023
55	Xác định khối lượng thể tích của đất trong phòng thí nghiệm	TCVN 4202:2012; AASHTO T204, T216; BS 1377-2; ASTM D2937; TB 10102-2023; TB 10115-2023
56	Thí nghiệm sức chịu tải của đất, đá dăm (CBR) trong phòng thí nghiệm	TCVN 12792:2020; ASTM D1883; JIS A1211; AASHTO T180, T193; BS 1377-4; TB 10102-2023; TB 10115-2023
57	Xác định hàm lượng hữu cơ	TCVN 8726:2012; ASTM D2974; AASHTO T267; TB 10103-2008
58	Đất và cấp phối đá dăm gia cố xi măng: Xác định cường độ kéo khi ép chẻ; modun đàn hồi; cường độ kháng nén; kháng uốn	TCVN 9403:2012, TCVN 8862:2011; TCVN 9843:2013, ASTM D559, ASTM D560; AASHTO T208; ASTM D1633 D1634; D1635, D21166
	THỬ NGHIỆM VẬT LIỆU KIM LOẠI VÀ LIÊN KẾT HÀN	
59	Chiều dày lớp mạ, kéo, kháng mài mòn rọ đá	ASTMA 975 ASTMA A90/A90M -21
60	Thử kéo: Giới hạn chảy, độ dẫn dài, độ bền kéo, độ thắt tương đối	TCVN 197-1:2014, TCVN 314:2008 TCVN 7937-1,2:2013 ISO 15630-1,2,3; ISO 6892-1, ISO 889-1, 2 ASTM A36, A370, F606, B557, E8 ASTM A240, A572, A588, A709 AASHTO T68; AS 1391; KS B0802 JIS Z2241; EN 10002-1, GB/T 228
61	Thử uốn	TCVN 198:2008 (ISO 7438); AS 2505 TCVN 5891:2008; TCVN 5401:2010 KS B0804; ISO7438, ISO 5173, ISO 8491 ASTM A370; JIS Z2248; GB/T 232
62	Thép cốt bê tông- Mối nối bằng ống ren: Thử nghiệm cơ tính của vật liệu mối nối; Chất lượng đầu ren; giới hạn bền kéo mối nối; biến dạng của mối nối;	TCVN 13711-2:2023, TCVN 8163:2009 TCVN 197-1:2014; ACI 318, JGJ 18, JGJ 107, JG 163

63	Thép cốt bê tông- Thanh thép có đầu neo: Thử tải trọng neo giữ; thử độ cứng vững mỗi nối	TCVN 13684: 2023
64	Ống kim loại: Xác định kích thước; thử kéo ; thử nén ; thử uốn; thử áp lực; thử nén bẹp ống	TCVN 1830: 2008 TCVN 314: 2008 TCVN 1832: 2008 TCVN 9245: 2012
65	Thử kéo mối hàn kim loại	TCVN 8310:2010; TCVN 8311:2010; EN 10080 AASHTO T68, T244
66	Thử uốn mối hàn kim loại	TCVN 5401:2010; TCVN 5403:2010; AASHTO T68, T24; ASTM AWS D1.1; JIS Z3121
67	Kiểm tra không phá huỷ - PP siêu âm	TCVN 6735:2018 TCVN 1548:1987 ASTM E164
68	Kiểm tra không phá huỷ - PP bột từ	TCVN 4396:2018 ASTM E709; E1444
69	Kiểm tra không phá huỷ - PP thẩm thấu	TCVN 4617:2018; EN 571; ASTM E165
70	Thử nghiệm bu lông, đai ốc, vít : Xác định khuyết tật ngoại quan, kích thước hình học, thử kéo, lực xiết	TCVN 197:2014; TCVN 1916:1995; TCVN 4795:1989; TCVN 4796:1989; JIS B1186; ASTM A370
71	Xác định khối lượng, chiều dày lớp mạ, lớp phủ	TCVN 5023: 2007 TCVN 5408: 2007 TCVN 5878: 2007 TCVN 5877: 2007 TCVN 7470: 2005
	NHỰA BITUM, NHỰA ĐƯỜNG LỎNG, NHỮ TƯƠNG AXÍT	
72	Xác định độ kim lún ở 25°C, độ kim lún PI	TCVN 7495:2005; TCVN 13567-1:2022; ASTM D5; ASHTO T49;
73	Xác định modun đàn hồi và độ kéo dài ở 25°C	TCVN 7496:2005; ASTM D113; AASHTO T301, T51
74	Xác định điểm hóa mềm (Phương pháp vòng và bi)	TCVN 7497:2005; ASTM D36; AASHTO T53
75	Xác định điểm chớp cháy và điểm cháy bằng thiết bị thử cốc hở Cleveland	TCVN 7498:2005, TCVN 8818-2:2011 AASHTO T48, T49, T79; ASTM D92, D3143

76	Xác định tổn thất khối lượng sau gia nhiệt	TCVN 11710:2017, TCVN 11711:2017 TCVN 7499:2005 ASTM D1754, D6, D2872, D2875 AASHTO T47, T179, T240, IP45
77	Xác định lượng hoà tan trong Trichloroethylene	TCVN 7500:2023; ASTM D2042; AASHTO T44
78	Xác định khối lượng riêng (Phương pháp Pycnometer)	TCVN 7501:2005; ASTM D70; AASHTO T228
79	Xác định độ bám dính với đá	TCVN 7504:2005; AASHTO T182, T195; ASTM D3625, D2489
80	Hàm lượng nhựa và dầu: Xác định bằng phương pháp chưng cất	TCVN 8817-3:2011
81	Xác định độ nhớt Saybolt Furol	TCVN 8817-2:2011 ASTM D 88, D224; AASHTO T59, T72
82	Xác định độ lắng và độ ổn định lưu trữ	TCVN 8817-3:2011; 22TCN 319-04; TCVN 11195:2017; ASTM D5892
83	Xác định lượng hạt quá cỡ (Thử nghiệm sàng)	TCVN 8817-4:2011
84	Xác định độ khử nhũ	TCVN 8817-6:2011
85	Thử nghiệm trộn với xi măng	TCVN 8817-7:2011
86	Thử nghiệm bay hơi	TCVN 8817-10:2011
87	Xác định khả năng trộn lẫn với nước	TCVN 8817-13:2011
88	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 8817-14:2011
89	Xác định độ bám dính với cốt liệu hiện trường	TCVN 8817-15:2011; ASTM D244; AASHTO T59
THÍ NGHIỆM BÊ TÔNG NHỰA		
90	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011; ASTM D1559; D6927; AASHTO T245
91	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy quay li tâm	TCVN 8860-2:2011; ASTM D2172; AASHTO T164
92	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011
93	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011; ASTM D2041; AASHTO T209
94	Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860-5:2011
95	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:2011
96	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011
97	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:2011
98	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:2011
99	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:2011
100	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011

101	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:2011
102	Xác định cường độ kéo khi ép chế của vật liệu hạt liên kết bằng chất kết dính	TCVN 8862:2011; TCVN 9403:2012
103	Xác định khả năng kháng ẩm của mẫu đã đầm chặt	TCVN 12914: 2020
104	Xác định độ góc cạnh của cốt liệu thô	TCVN 11807: 2017
105	Xác định mức độ các hạt được bao bọc trong hỗn hợp nhựa	AASHTO T195
106	Thiết kế thành phần cấp phối bê tông nhựa	TCVN 13567-1-2-3:2022
THỬ NGHIỆM SƠN, VẬT LIỆU CHỐNG THẨM		
107	Lấy mẫu	TCVN 2090:2015; ISO 15528:2013
108	Xác định độ mịn	TCVN 2091: 2015
109	Xác định thời gian chảy (độ nhớt)	TCVN 2092:2013
110	Xác định độ khô và thời gian khô	TCVN 2096: 2015
111	Xác định độ bám dính	TCVN 2097: 1993; TCVN 2097: 2015
112	Xác định độ bền uốn màng sơn	TCVN 2099:2007
113	Xác định độ bóng	TCVN 2101: 2008
114	Xác định màu sắc	TCVN 2102: 2008
115	Xác định khối lượng riêng	ASTM D1475 ISO 2811
116	Xác định chiều dày màng sơn	TCVN 9406: 2012
117	Sơn tường dạng nhũ: Xác định trạng thái; đặc tính; độ bền nước; độ bền kiềm; độ rửa trôi; bền chu kỳ nóng lạnh	TCVN 8653:2012
118	Sơn tín hiệu giao thông- Vật liệu kẻ đường phản quang nhiệt dẻo: Độ phát sáng; độ dính bám; độ chống trượt; độ phản quang; chiều dày màng sơn.	ASTM D6628 – 03 TCVN 2096: 1993 TCVN 8791:2011 AASHTO T 250 - 05 ASTM D4541

119	Son epoxy: Xác định Ổn định trong thùng chứa; Tính đồng nhất; độ mịn; thời gian khô; độ bóng; độ bền va đập; Khả năng chịu xăng; khả năng chịu kiềm; Khả năng chịu muối; hàm lượng chất không bay hơi;	TCVN 9014:2011 TCVN 2091:2015 TCVN 2096-3: 2015 TCVN 2101:2016 JIS 5551
120	Vật liệu dán tường dạng cuộn: Xác định kích thước, độ thẳng, khả năng lau sạch và khả năng rửa,	TCVN 11897:2017
121	Tấm trải chống thấm: Xác định độ giãn dài và tải kéo đứt	TCVN 9067:2012
	BẢNG CHẶN NƯỚC	
122	Xác định sai lệch kích thước; khối lượng riêng; cường độ chịu kéo và độ giãn dài khi đứt; độ cứng shore; độ bền hóa chất; tỷ lệ thay đổi khối lượng sau khi lão hóa nhiệt	TCVN 7756-2 : 2007 TCVN 4866 : 2007 TCVN 4509:2006 TCVN 1595-1:2007 TCVN 9407-3:2014
	BỘT KHOÁNG CHO BÊ TÔNG NHỰA	
123	Bột khoáng cho bê tông nhựa: Xác định thành phần hạt, lượng mất khi nung, hàm lượng nước, khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ rỗng dư, hệ số hấp nước, hàm lượng chất hoà tan trong nước, độ trương nở thể tích, chỉ số hàm lượng nhựa, độ ẩm, hệ số thích nước	22TCN 58:1984; TCVN 12884-2:2020; ASTM D5329, D4318; AASHTO T27, T37;
	THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG	
124	Đo dung trọng, độ ẩm của vật liệu đắp bằng phương pháp dao đai	TCVN 12791:2020; 22TCN 02:1971; TCVN 8729:2012; ASTM D2937; AASHTO T204
125	Độ ẩm, khối lượng thể tích của vật liệu đắp trong lớp kết cấu bằng phương pháp rót cát	TCVN 8729:2012; ASTM D1556; AASHTO T191
126	Xác định mật độ đất và đá tại chỗ bằng phương pháp thay thế nước trong hố thử nghiệm	ASTM D5030/D5030M
127	Xác định môđun đàn hồi E nền đường bằng tấm ép lớn	TCVN 8861:2011; ASTM D4695, D1195; AASHTO T256, T221
128	Xác định môđun đàn hồi "E" chung của áo đường bằng cần Ben kelman	TCVN 8867:2025; AASHTO T256; AASHTO D4685, D4729, D4695

129	Xác định độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011; ASTM E965
130	Xác định độ bằng phẳng bằng thước 3m	TCVN 8864:2011; ASTM E950, E1082
131	Đo điện trở nổi đất	TCVN 9385:2012 TCVN 4756: 1989
132	Cọc-PP thí nghiệm bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:2012; ASTM D1143, D3689
133	Thí nghiệm cọc khoan nhồi bằng phương pháp siêu âm	TCVN 9396:2012; ASTM D6760-02
134	Xác định cường độ nén của bê tông bằng súng bật nảy	TCVN 9334:2012
135	Xác định chiều dày lớp bảo vệ, vị trí, đường kính cốt thép trong bê tông	TCVN 9356:2012
136	Phương pháp không phá hoại sử dụng kết hợp máy đo siêu âm và súng bật nảy	TCVN 9355:2012; JIS A1155, ASTM C805; EN 12504-1
137	Phương pháp thử không phá hủy - Đánh giá chất lượng bê tông bằng vận tốc xung siêu âm; Kiểm tra và đánh giá cường độ trên mẫu đúc	TCVN 13536:2022 TCVN 13537:2022; TCVN 10303:2025 ; ASTM C597 ; EN 12504-4, EN 13791
138	Kiểm tra khả năng cốt thép bị ăn mòn - Phương pháp điện kế	CVN 9348:2012
139	Xác định cường độ nén của cấu kiện bê tông bằng khoan rút lõi	TCVN 12252:2020; ASTM C42 / C42M
140	Xác định chiều rộng, chiều sâu vết nứt bê tông	TCVN 5879:2009; TCVN 13537:2022
141	Xác định lực và cường độ kéo nhỏ của bê tông cốt thép, thép bulong khoan cấy tại hiện trường	TCVN 9490:2012; ASTM C900; ASTM E1512
142	Thí nghiệm phương pháp đo độ rọi	TCVN 5176: 1990
143	Xác định sức kháng trượt của bề mặt đường bằng con lăn Anh	TCVN 10271: 2014
	THỬ NGHIỆM DUNG TRỌNG BENTONITE, POLYMER	
144	Thí nghiệm Bentonite, Polymer: Xác định khối lượng riêng, độ nhớt, hàm lượng cát, độ pH, tỷ lệ chất keo, lực cắt tĩnh, độ dày áo sét, tính ổn định, lượng mất nước, độ ẩm	TCVN 11893:2017; ASTM D4972, D4380, D4381
145	Vữa bèn hóa gốc Polymer: Xác định độ bền kéo; độ bền nén, độ bám dính; thời gian công tác; Thời gian đóng rắn ban đầu; Thời gian đóng	TCVN 9080: 2012

	rắn đủ cường độ sử dụng; Xác định độ co; hệ số giãn nở nhiệt; độ hấp thụ nước;	
	PHỤ GIA CHO BÊ TÔNG	
146	Xác định hàm lượng chất khô; Hàm lượng tro; Tỷ trọng; Hàm lượng Ion clo; Độ pH	TCVN 8826: 2024
	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH	
147	Kiểm tra kích thước và mức khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1:2009
148	Xác định cường độ bền nén	TCVN 6355-2:2009
149	Xác định cường độ bền uốn	TCVN 6355-3:2009
150	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009
151	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355-5:2009
152	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:2009
153	Xác định Vết tróc vôi	TCVN 6355-7:2009
154	Gạch bê tông tự chèn: Xác định thước, khuyết tật ngoại quan; cường độ nén; độ mài mòn; cường độ uốn; độ hút nước, độ rỗng	TCVN 6476:1999 TCVN 6355 : 1998 TCVN 6065 : 1995
155	Độ bền muối	TCVN 6355-8:2009
156	Gạch Tezzarro: Thí nghiệm kích thước, độ mài mòn, độ bền uốn, độ hút nước, độ co khô	TCVN 7744:2013 TCVN 6065 : 1995 TCVN 6355-2:1998
157	Gạch Bê tông: Xác định kích thước; khuyết tật ngoại quan; cường độ nén; độ rỗng; độ hút nước, độ thấm nước	TCVN 6477:2016
158	Sản phẩm bê tông nhẹ, gạch bê tông nhẹ, xác định: kích thước và khuyết tật ngoại quan; cường độ nén; độ hút nước; khối lượng thể tích khô; độ co khô	TCVN 9030:2017
159	Gạch xi măng lát nền: Kích thước ngoại quan; xác định độ mài mòn; độ hút nước; lực uốn gãy; độ cứng lớp mặt; lực va đập xung kích.	TCVN 6065: 1995 TCVN 248: 1986
	THÍ NGHIỆM GẠCH, ĐÁ ỐP LÁT	
160	Kiểm tra kích thước, hình dạng và chất lượng bề mặt	TCVN 6415-2:2016 TCVN 6074:1995 TCVN 4732: 2016, TCVN 8057:2009 TCVN 13943-16:2024 (BS EN 14617-16) ASTM C503/C503M, C568/C568M ASTM C615/C615M, C616/C616M

		ASTM C629/C629M, C1527/C1527M ASTM C1526, ASTM C1527 ASTM C1526, EN 13373
161	Xác định độ hút nước	TCVN 6415-3:2016 TCVN 13943-1:2024 (BS EN 14617-1) ASTM C373, ASTM C97/C97M EN 13755; BS EN 14617-1
162	Xác định độ bền uốn	TCVN 6415-4:2016 TCVN 13943-2:2024 (BS EN 14617-2) BS EN ISO 10545-4, BS EN 14617-2 ASTM C648; C99M/C99M, C880/C880M
163	Xác định độ bền mài mòn sâu đối với gạch không phủ men	TCVN 6415-6:2016 TCVN 4732; EN 14157; TCVN 13943-4:2024 (BS EN 14617-4) ASTM C241/C241M, ASTM C1353
164	Xác định độ bền mài mòn bề mặt đối với gạch phủ men	TCVN 6415-7:2016 TCVN 13943-4:2024 (BS EN 14617-4) ASTM C241/C241M, ASTM C1353
165	Đá ốp lát tự nhiên, nhân tạo: Xác định độ hút nước, khối lượng thể tích, độ bền uốn, độ cứng bề mặt, độ mài mòn, độ cứng thang Mohs	TCVN 4732:2016; TCVN 8057:2009
	THÍ NGHIỆM CƠ LÝ GỖ	
166	Xác định độ ẩm khi thử cơ lý	TCVN 8048-1:2009
167	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 8048-2:2009
168	Xác định giới hạn bền khi uốn tĩnh	TCVN 8048-3:2009
169	Xác định mô đun đàn hồi khi uốn tĩnh	TCVN 8048-4:2009
170	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 8048-5:2009
171	Xác định giới hạn bền khi kéo	TCVN 8048-7:2009
172	Thử nghiệm gỗ công nghiệp ván sợi, Xác định kích thước; Sai lệch khối lượng thể tích so với giá trị trung bình trong cùng một tấm; độ ẩm; lực bám giữ đinh vít; độ ẩm; Độ trương nở chiều dày sau 24h ngâm trong nước; Độ bền kéo vuông góc với mặt ván; độ bền ẩm.	TCVN 7753:2007; TCVN 7756-2 : 2007 TCVN 7756-4 : 2007. TCVN 7756-3 : 2007. TCVN 7756-11 : 2007. TCVN 7756-5 : 2007. TCVN 7756-7:2007 TCVN 7756-8:2007 TCVN 11353:2016
	VẢI ĐỊA KỸ THUẬT, BẮC THẨM VÀ VỎ BỌC BẮC THẨM	
173	Cường độ kéo giật và độ giãn dài	TCVN 8871-1:2011; TCVN 8485:2010; ASTM D4595, D4632
174	Cường độ xé rách hình thang	TCVN 8871-2:2011; ASTM D4533

175	Sức kháng xuyên thủng (CBR)	TCVN 8871-3:2011; ASTM D6241
176	Sức kháng xuyên thủng thanh	TCVN 8871-4:2011; ASTM D4833
177	Áp lực kháng bụi	TCVN 8871-5:2011;
178	Xác định chiều dày	TCVN 8220: 2009
179	Xác định kích thước lỗ	TCVN 8871-6:2011; TCVN 8486:2010; ASTM D4751:95
	PHÂN TÍCH HÓA NƯỚC CHO XÂY DỰNG	
180	Xác định hàm lượng cặn không tan	TCVN 4506:2012
181	Xác định vẩn dầu mỡ và màu nước được tiến hành bằng quan sát mắt thường	TCVN 4506:2012 TCVN 2671:1987
182	Độ pH	TCVN 6492:2011; AASHTO T26
183	Xác định hàm lượng muối hòa tan, cặn không tan	TCVN 4560:2012; AASHTO T26
184	Hàm lượng ion sunfat (SO_4^{--})	TCVN 6200:1996; ASTM D516
185	Hàm lượng ion clorua (Cl^-)	TCVN 6194:1996; ASTM D512
	THỬ NGHIỆM KÍNH XÂY DỰNG	
186	Xác định sai lệch kích thước, khuyết tật ngoại quan, độ cong vênh	TCVN 7219:2018; TCVN 9808:2013; TCVN 7527:2005; TCVN 7528:2005;
187	Độ bền va đập bi rơi, con lắc, phá vỡ mẫu	TCVN 7368:2013; TCVN 7455:2013
	THỬ NGHIỆM DÂY, CÁP ĐIỆN DẪN DỤNG	
188	Xác định đường kính, tiết diện sợi đồng; Xác định chiều dày lớp cách điện, chiều dày vỏ bọc; Thử kéo, xác định đường kính ruột dẫn, đường kính dây	TCVN 6612:2007 TCVN 6610:2014 TCVN 5935: 2013 TCVN 7305: 2008 TCVN 1548: 1987
189	Thử độ bền điện áp 3,5kV, điện trở cách điện, điện trở của ruột dẫn	TCVN 6610-2:2014
190	Ống luồn dây điện: Xác định kích thước; độ bền kéo; độ biến dạng; điện trở cách điện	TCVN 7434:2004 TCVN 9070:2012 TCVN 8699: 2011
	THÍ NGHIỆM THẠCH CAO, BỘT BẢ, KHUNG TREO	
191	Xác định độ cứng thạch cao; cường	TCVN 8256:2023

	độ chịu uốn; độ biến dạng ẩm; độ kháng nhỏ đinh; độ hút nước	
192	Thử tải khung trần treo	TCVN 12694:2020; ASTM C635; ASTM C635M
193	Bột bả: Xác định độ mịn; thời gian đông kết; độ giữ nước; độ bám dính với nền.	TCVN 7239:2014
	THỬ NGHIỆM ỐNG NHỰA PVC, uPVC, HDPE	
194	Đặc tính hình học	TCVN 6145:2007
195	Xác định độ bền va đập	TCVN 6144:2003
196	Xác định độ bền áp suất bên trong	TCVN 6149:2009; TCVN 7305:2008
197	Xác định độ bền kéo đứt	TCVN 7434:2004
198	Sự thay đổi kích thước theo chiều dọc	TCVN 6148:2007
199	Thí nghiệm ống nhựa gân xoắn HDPE: Xác định kích thước và sai lệch, độ bền của ống trong môi trường hóa chất, độ biến dạng hình học và áp lực nén ngoài của ống, áp lực trong của ống	TCVN 9070:2012

Ghi chú (*): Các chỉ tiêu kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.

DANH MỤC MÁY MÓC THIẾT BỊ

(Kèm theo quyết định Số: 16032026 /QĐ/CBNL ngày 16 tháng 03 năm 2026 của Công ty
Cổ phần thương mại DVĐT xây dựng Bình An

STT	Tên máy	Kiểu	Xuất xứ	Số lượng
1	Bộ đồ thí nghiệm độ chặt bằng PP dao vòng	-		3
2	Bộ đồ thí nghiệm độ chặt bằng PP rót cát	-		3
3	Bộ gối uốn thép - Việt Nam			1
4	Kích đùn mẫu			1
5	Thiết bị thử va đập kính kiểu bi rơi kết hợp va đập ống nhựa			1
6	Máy mài mòn bề mặt gạch ceramic	LM-8	Việt Nam	1
7	Máy mài mòn sâu của gạch - Việt Nam			1
8	Bàn dẫn vữa quay tay			
9	Máy kiểm tra độ bền mài mòn bề mặt sơn	LA-V		1
10	Thiết bị kiểm tra và xác định độ phản quang của vạch sơn	BT-RM-001		
11	Bộ thử kháng nhỏ đinh thạch cao			
12	Thiết bị đo độ cứng	shore A		
13	Dụng cụ Vicat		Trung Quốc	
14	Máy kiểm tra độ bền rửa trôi của sơn	QFS	Trung Quốc	1
15	Sàng tiêu chuẩn đường kính 300mm			
16	Kích thủy lực RSC-200150 (Loại bơm tay)	CP-150		

17	Thước đo độ mịn màng sơn			
18	Cân phân tích dải cân 220/0.0001g	FA2204		
19	Máy trộn vữa thí nghiệm	JJ-5	Trung Quốc	1
20	Máy kiểm tra đa chỉ tiêu trong nước H13817			1
21	Dao cắt mẫu, kích thước 6x115 mm			
22	Máy thử độ mài mòn Los Angeles		Việt Nam	1
23	Sàng tiêu chuẩn đường kính 300mm		Trung Quốc	16
24	Khuôn đúc mẫu bê tông lập phương bằng nhựa - Kích thước: 150x150x150mm			30
25	Tủ sấy 101-2			1
26	Khuôn đúc mẫu vữa bằng nhựa- Kích thước: 40x40x160mm			6
27	Bàn rung bê tông, vữa	HZJ-A		1
28	Bình khối lượng riêng xi măng 250ml		Trung Quốc	3
29	Khuôn thử độ ổn định của xi măng (Khuôn Le chatelier), kích thước 30xH30mm			3
30	Bình tam giác 250ml			2
31	Bình tam giác 500ml			2
32	Cốc đốt 250ml			1
33	Bình tỷ trọng 100ml			3
34	Chày kéo bulong			1
35	Máy siêu âm khuyết tật mối hàn	MFD350B		1
36	Thiết bị kiểm tra lỗ hổng từ tính, hoạt động bằng pin	Y-2		1
37	Dụng dịch kiểm tra vết nứt mối hàn SM- 15			1

38	Son từ dùng kiểm tra vết nứt mỗi hàn MP-35			1
39	Bộ uốn thạch cao đa năng, uốn gạch, đá - Việt Nam			1
40	Thiết bị khả năng chịu tải của khung xương vách treo trần thạch cao			1
41	Thiết bị thử va đập kính bằng phương pháp con lắc			1
42	Đĩa đệm CBR			1
43	Khuôn CBR - Việt Nam			3
44	Tủ sấy mẫu thí nghiệm	101-2A		1
45	Lò nung 1000 độ C.	SX-4-10		1
46	Khuôn CBR tiêu chuẩn			3
47	Cối, chày Proctor cải tiến			1
48	Cối, chày Proctor tiêu chuẩn			1
49	Sàng D300mm			13
50	Máy đo cường độ ánh sáng tenmars TM- 209M	TM-209M		1
51	Dụng cụ đo hệ số mát của mặt đường bằng con lắc			1
52	Bộ Khung thử cường độ va đập kính			1
53	Bộ thí nghiệm đa chỉ tiêu			1
54	Bộ đầu bịt ống nước từ ĐK16 đến ĐK 160			1
55	Máy dẫn vữa xi măng tiêu chuẩn			1
56	Bộ dụng cụ kin Vicat			1
57	Khuôn gá uốn			1
58	Khuôn gá nén			1
59	Bộ thiết bị chỉ số dẻo			1

60	Bình thuỷ tinh làm tỷ trọng kế của đất			6
61	Tỷ trọng kế			1
62	Bộ thí nghiệm KLTT xốp cốt liệu			2
63	Bể ngâm mẫu Marshall			1
64	Máy chiết tách nhựa			1
65	Máy hút chân không chuyên dụng của BTN			1
66	Dụng cụ xác định nhiệt hoá mềm nhựa			1
67	Máy đo độ kéo dài nhựa			1
68	Máy đo kim lún nhựa			1
69	Lò nung 1000 độ C.			1
70	Cần benkenman			1
71	Súng bắn bê tông			1
72	Côn thử độ sụt bê tông			1
73	Bộ gà uốn mẫu gạch xây			1
74	Dụng cụ xác định hàm lượng sét của đá (Bình rửa đá)			3
75	Dụng cụ xác định hàm lượng sét của đá (Bình rửa đá)			1
76	Thùng đóng cốt liệu bằng sắt 1L			1
77	Thùng đóng cốt liệu bằng sắt 2L			1
78	Thùng đóng cốt liệu bằng sắt 5L			1
79	Thùng đóng cốt liệu bằng sắt 10L			1
80	Thùng đóng cốt liệu bằng sắt 15L			1
81	Thùng đóng cốt liệu bằng sắt 20L			1
82	Bộ xi lanh nén dập đá dăm D150 mm			1
83	Bộ xi lanh nén dập đá dăm D75 mm			1

84	Bộ gôi uốn thép tiêu chuẩn			1
85	Tủ sấy mẫu thí nghiệm .Model: 101-2A			1
86	Tủ sấy mẫu thí nghiệm .Model: 101-3A			1
87	Sàng D300mm			15
88	Thiết bị đo điện trở đất KYORITSU	4105A		1
89	Máy đo Micro ohm	UT620C+	Uni-t	1
90	Tủ dưỡng hộ mẫu xi măng	SHBY-40B		1
91	Thiết bị thử độ bám dính của vữa	BJZJ-6000C		1
92	Bộ thí nghiệm Bentonite	ANY-1 B		1
93	Thiết bị đo lượng mất nước và độ dày áo sét sau 30 phút			1
94	Dụng cụ đo lực cắt tĩnh của dung dịch Bentonite			1
95	Máy kéo nén vạn năng 1000KN (Hiện thị điện tử bằng màn hình LCD)	WA-1000	Beijing LongChen Weiye.	1
96	Bộ gôi uốn thép theo tiêu chuẩn bao gồm các cỡ gôi: D30; D32; D36; D40; D42; D48; D50; D56; D60; D64; D70; D72; D80; D84; D96; D108; D120; D132; D150; D168; D192mm, Bộ gá trên cho các gôi, thùng gỗ			2
97	Máy siêu âm bê tông	C369N	Matest - Italy	
98	Máy Siêu âm định vị cốt thép trong bê tông (màn hình LCD)	ZD-332	Beijing Zhongdi (Bắc kinh - Trung Quốc)	
99	Thiết bị xác định khả năng ăn mòn cốt thép trong bê tông	BD-XSY (XSY)		

100	Máy kéo, nén đa năng điều khiển tự động bằng máy tính, Máy thí nghiệm vải địa kỹ thuật (Bản cao cấp)	WDW-100	Senxin	1
101	Máy nén bê tông 2000kN (Bản tiêu chuẩn)	TYA-2000	Senxin	
102	Máy đầm CBR/PROTOR tự động	CSK-VI		
103	Bộ gá kéo bu lông (13 cỡ) từ M6-8-10-12-14-16-18-20-22-25-28-30-32			1
104	Bộ gá kéo mối nối lưới thép hàn			1
105	Máy xác định độ thấm bê tông điện tử Model: HP 4.0			1
106	Bộ gá mẫu thấm bê tông hình trụ D150xH150mm phù hợp với TCVN, ASTM (06 gá/1 bộ)			1
107	Khuôn đúc mẫu bê tông thấm D150xH150, bằng nhựa			6
108	Bàn rung mẫu Bê tông 800x800mm			1
109	Khuôn bê tông lập phương 150mm, bằng nhựa			6
110	Khuôn đúc mẫu bê tông hình trụ D150xH300mm (Loại bỏ đôi 2 nửa)			6
111	Bộ đế capping D150, mạ kẽm			1
112	Bộ ép chẻ mẫu bê tông hình trụ D150			1
113	Thiết bị đo mô đun đàn hồi khi nén Model: TM-2			1
114	Bộ gá uốn mẫu bê tông 2 điểm, tiêu chuẩn. Chất liệu: Thép			1
115	Thùng hấp mẫu xi măng Model: FZ-31A			1
116	Bàn dẫn vữa xi măng			1
117	Bộ gá uốn mẫu xi măng 40x40x160mm			1

118	Khuôn 40x40x160 kép 3, bằng nhựa			1
119	Phễu xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa xi măng, kèm bình tam giác 1000ml			1
120	Bộ tỷ diện xi măng Model: DBT-127			1
121	Xi măng chuẩn làm tỷ diện xi măng			1
122	Khuôn Le Chatelier			1
123	Bình tỷ trọng xi măng 250ml			1
124	Phễu xác định độ chảy của vữa			1
125	Thiết bị thử co ngót cho vữa xi măng			1
126	Khuôn đúc mẫu co ngót (Loại kép 3) Kích thước: 25,4x25,4x285mm			1
127	Thiết bị thử độ cứng bề mặt bằng thang Mohs(TQ)			1
128	Bảng màu chuẩn			5
129	Dụng cụ hấp phụ nước của cát(Bộ côn chày hấp phụ nước của cát)			1
130	Bộ kim sắt xác định độ phong hoá của đá (3 chiếc/bộ)			1
131	Bộ xác định đương lượng cát			1
132	Bộ chia mẫu 1/2", kèm 2 khay hứng mẫu			1
133	Bộ chia mẫu 1", kèm 2 khay hứng mẫu			1
134	Bộ chia mẫu 2", kèm 2 khay hứng mẫu			1
135	Thước đo hạt dài dẹt, tỷ lệ 1:3			1
136	Bộ dụng cụ xác định góc nghỉ tự nhiên của cát			1
137	Thiết bị xác định góc cạnh của cát theo TCVN 8860-7:2011			1
138	Thiết bị xác định góc nghỉ tự nhiên của			1

	đất rời			
139	Bộ xác định góc cạnh của cốt liệu thô			1
140	Thiết bị xác định giới hạn chảy casagrande			1
141	Cối Proctor tiêu chuẩn			1
142	Chày Proctor tiêu chuẩn			1
143	Cối Proctor cải tiến			1
144	Chày Proctor cải tiến			1
145	Bộ gá ép chế mẫu dùng cho mẫu 4" và 6"			1
146	Bộ VaxiliepsModel: ZY-1			1
147	Hộp thăm đất nam kinh Model TST-55			1
148	Bộ thăm cột nước không đổiModel TST-70			1
149	Bộ trưng nở đất WZ-II			1
150	Bảng cột thăm nước 1 mẫu (đơn)			1
151	Bộ thí nghiệm Bentonite			1
152	Thiết bị thí nghiệm thấm của đất, cát			1
153	Thiết bị giãn dài nhựa loại 1500mmModel: SY-1,5			1
154	Bộ kim lún nhựa tự động. Model: IV-2000			1
155	Bộ hoá mềm nhựa. Model: SYD-2806E			1
156	Thiết bị thí nghiệm bốc cháy nhựaModel: SYD-3536			1
157	Bình tỷ trọng nhựa 25ml			2
158	Thiết bị chưng cất nhũ tương			1
159	Bộ đầm mẫu marshall bằng tay			1
160	Thân khuôn marshall			9

161	Cỗ khuôn marshall			9
162	Đế khuôn marshall			3
163	Bể ổn nhiệt marshall điện tử	CF-B		1
164	Bộ dụng cụ xác định khối lượng riêng của bê tông nhựa phù hợp theo TCVN 8860-4:2011			1
165	Thiết bị xác định kích thước lỗ biểu kiến bằng phương pháp sàng khô loại lắc ngang. Model: YT-030G			1
166	Ngàm kẹp cho thí nghiệm kéo đứt và độ giãn dài cho mẫu chiều rộng 200mm phù hợp với TCVN, ASTM			1
167	Ngàm kẹp mẫu có chiều rộng 100mm xác định cường độ kéo giập và độ giãn dài phù hợp với ASTM, TCVN			1
168	Bộ gá thí nghiệm xuyên CBR và xuyên thủng thanh cho địa kỹ thuật			1
169	Bộ ngàm thí nghiệm lô cuộn vải địa cường độ cao			1
170	Bộ ngàm thí nghiệm xé rách hình thang vải địa kỹ thuật			1
171	Bộ dụng cụ tạo mẫu cao su chuẩn để tạo mẫu cao su cho			2
172	phương pháp thử cường độ kéo của Cao su tấm Gồm 2 loại mẫu tiêu chuẩn cho TCVN: 5x100mm và 6x115mm			1
173	Thiết bị thử độ cứng SHORE A của cao su (hiển thị điện tử) Model: Shore A Durometer			1
174	Thiết bị kiểm tra độ dày của vải địa kỹ thuật.(VN)			1
175	Máy đo điện trở đất 4105A - Kyoritsu			1
176	Dao thử mài độ bám dính màng sơn	BGD502/4		1

177	Thiết bị xác định độ mịn màng sơn (0-50) μ m	BGD-242/2		1
178	Súng bắn bê tông	ZC3-A		1
179	Máy kéo nén vạn năng 1000kN(đã qua sử dụng)			
180	Bộ dao thử bám dính màng sơn	QFH - HG600 B		1
181	Thiết bị đo độ dày lớp phủ sơn (lớp mạ) trên nền PE và NFE	Thiết bị đo độ dày lớp phủ sơn (lớp mạ) trên nền PE và NFE		1
182	Dụng cụ đo hệ số mát của mặt đường bằng con lắc (Con lắc Anh)			1
183	Máy đo màu sắc đa năng	SC-10		1
184	Máy đầm MARSHALL tự động	LHMJ-II (ZMJ-II)		1

Ghi chú :

- Các máy móc thiết bị hệ thống sàng, thước, khay, khuôn đúc mẫu, thiết bị đo lường dung dịch, khuôn đúc mẫu, tải trọng chuẩn, ... và hệ thống máy móc thiết bị phụ trợ khác.
- Các máy móc, thiết bị tại thời điểm công bố đều được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ, đảm bảo luôn trong tình trạng sử dụng tốt.
- Các máy móc thiết bị được kiểm định hiệu chuẩn đúng theo quy định.

DANH MỤC CÁN BỘ, THÍ NGHIỆM VIÊN

(Kèm theo quyết định 16032026 /QĐ/CBNL ngày 16 tháng 03 năm 2026 của Công ty Cổ phần thương mại DVĐT xây dựng Bình An)

STT	Họ và tên	Chức vụ	Công việc thực hiện
1	Lê Trung Lượng	Giám đốc	- Điều hành công việc liên quan đến phòng thí nghiệm
2	Nguyễn Thị Bích Nga	Trưởng phòng	Trưởng phòng thí nghiệm - Quản lý chuyên môn, phân công nhân viên thực hiện thí nghiệm trong phòng và hiện trường
3	Nguyễn Quang Huy	Thí nghiệm viên	Nhân viên phòng thí nghiệm - Thực hiện thí nghiệm trong phòng và hiện trường
4	Lê Thị Thanh Nhân	Thí nghiệm viên	Nhân viên phòng thí nghiệm - Thực hiện thí nghiệm trong phòng và hiện trường
5	Nguyễn Văn Huy	Thí nghiệm viên	Nhân viên phòng thí nghiệm - Thực hiện thí nghiệm trong phòng và hiện trường
6	Nguyễn Hồng Tuyền	Thí nghiệm viên	Nhân viên phòng thí nghiệm - Thực hiện thí nghiệm trong phòng và hiện trường
7	Phạm Văn Hà	Thí nghiệm viên	Nhân viên phòng thí nghiệm - Thực hiện thí nghiệm trong phòng và hiện trường

DANH MỤC TRẠM THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG ĐANG HOẠT ĐỘNG
TRỰC THUỘC CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DVĐT XÂY DỰNG BÌNH AN

(Kèm theo quyết định 16032026 /QĐ/CBNL ngày 16 tháng 03 năm 2026 của Công ty Cổ phần thương mại DVĐT xây dựng Bình An)

STT	Dự án	Địa điểm
1	Nhà ở xã hội thuộc dự án khu đô thị - Dịch vụ thương mại và nhà ở công nhân Trảng Duệ	Phường An Dương, Thành phố Hải Phòng
2	Hạ Tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Đặng Lễ	Xã Nguyễn Trãi, Tỉnh Hưng Yên
3	Nhà ở xã hội thuộc khu dân cư , nhà ở công nhân và dịch vụ KCN Tân Trường - Gói thầu:	Tân Trường, Hải Phòng
4	Đầu tư xây dựng giai đoạn I Trường cao đẳng Y Bạch Mai	Khu đại học Nam Cao, tỉnh Ninh Bình.